Người ký: Sở Tài chính
Email: stc@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Thời gian ký: 18.06.2019 17:10:29 +07:00

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78 /BC-STC

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

A. Tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2019

I. UTH thu NSNN đến 30/6/2019:

Tổng thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện đến 30.6.2019 đạt 15.188 tỷ đồng, bằng 55% dự toán, bằng 105% so với cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 12.139 tỷ đồng, đạt 57% dự toán và bằng 104% cùng kỳ; thu hải quan đạt 3.048 tỷ đồng, bằng 49% dự toán và bằng 107% so với cùng kỳ. Cụ thể tình hình thực hiện thu đối với một số khu vực như sau:

1. Doanh nghiệp nhà nước trung ương quản lý: Thực hiện 650 tỷ đồng, đạt 46% dự toán, bằng 106% so với cùng kỳ. Số thu của khu vực này chủ yếu tập trung vào một số doanh nghiệp lớn, điển hình là Công ty Thuốc lá Bắc Sơn, Chi nhánh rượu cồn Hà Nội và Nhà máy sữa Tiên Sơn chiếm 72% số khu toàn khu vực; một số doanh nghiệp khác có số thuế nộp cao hơn mọi năm như: CN Viettel Bắc Ninh; Công ty ĐT và PT bất động sản HudLand; CTCP Lilama 69-I.....

2. Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: Thực hiện 47 tỷ đồng, đạt 85% dự toán, bằng 139% so với cùng kỳ. Số thu đạt cao do một số doanh nghiệp từ cuối năm 2017 được cổ phần hóa, hoạt động SXKD có hiệu quả nên doanh thu tăng như: CN Công ty CP VN Kỹ nghệ súc sản đạt 51% DT; Công ty TNHH một thành viên môi trường và công trình đô thị BN đạt 71%;

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện 4.900 tỷ đồng, đạt 56% dự toán, bằng 113% so với cùng kỳ; tiến độ thu đạt cao do Cơ quan Thuế đã chủ động đôn đốc các doanh nghiệp quyết toán thuế TNDN năm 2018, cụ thể: Số nộp NS thuế TNDN của Công ty SEV là 1.510 tỷ (bao gồm thuế nhà thầu 556 tỷ); Công ty SDV là 562 tỷ; các doanh nghiệp khác còn lại đều đảm bảo tiến độ dự toán được giao.

4. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Thực hiện 1.500 tỷ đồng, đạt 58% dự toán, bằng 125% so với cùng kỳ. Tiến độ thu đảm bảo do hoạt động SXKD có tăng tưởng tốt, các đơn vị đã chủ động tích cực đôn đốc thu thuế nợ đọng tháng 12/2018 thuế TNDN quý 4/2018 và số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong 6 tháng đầu năm 2019 nộp kịp thời vào NSNN.

5. Thuế Thu nhập cá nhân: Thực hiện là 2.000 tỷ đồng, đạt 60 % dự toán, bằng 103 % so với cùng kỳ năm trước.

6. Thu tiền sử dụng đất: 2.000 tỷ đồng đạt 74% dự toán, bằng 85% so với cùng kỳ. Số thu tiền sử dụng đất chủ yếu là tiền đấu giá thành công các dự án và tiền ghi thu, ghi chi của địa bàn TX Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Lương Tài, Quế Võ, Thuận Thành

7. Thuế Bảo vệ môi trường: Thực hiện được 410 tỷ đồng, đạt 36% dự toán, bằng 100% so cùng kỳ. Khoản thuế này chủ yếu của 2 đơn vị là CN xăng dầu BN và Công ty TNHH Hải Linh. Công ty TNHH Hải Linh 3 tháng đầu năm doanh thu đạt thấp, số thuế chỉ đạt khoảng 24 tỷ/tháng so với bình quân 1 tháng phải nộp là (52,5 tỷ).

8. Khoản thu Lệ phí trước bạ: Thực hiện 280 tỷ đồng, đạt 49% dự toán, bằng 114% so với cùng kỳ.

9. Các khoản thu khác còn lại đều đảm bảo tiến độ dự toán được giao.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi NSĐP ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 10.699 tỷ đồng, bằng 45% dự toán, bằng 137% so với cùng kỳ, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 4.701 tỷ đồng (bao gồm cả chi đầu tư từ nguồn chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019). Chi đầu tư phát triển chủ yếu phân bổ tập trung cho các dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán, dự án có khối lượng hoàn thành lớn nên tiến độ giải ngân nhanh. Thanh toán khối lượng và chuyển ứng thành cấp phát đối với các dự án chuyển nguồn từ năm 2018 sang năm 2019.

2. Chi thường xuyên 3.845 tỷ đồng, đạt 41% so với dự toán và bằng 103% so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 1.430 tỷ đồng, đạt 43% dự toán, bằng 108% so với cung kỳ;
- Chi sự nghiệp Khoa học Công nghệ 20,6 tỷ đồng, đạt 41% dự toán, bằng 119% so với cùng kỳ;
- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 180 tỷ đồng, đạt 29% dự toán, bằng 93% so với cùng kỳ;
- Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể 550 tỷ đồng, đạt 54% dự toán, bằng 109% so với cùng kỳ;
- Chi đảm bảo xã hội 286 tỷ đồng, đạt 71% dự toán, bằng 156% cùng kỳ.

Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể và chi đảm bảo xã hội đạt tiến độ dự toán giao do đây chủ yếu là các khoản chi lương, chi thực hiện chính sách an sinh xã hội và chi các chế độ cho con người và năm 2019 tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện chính sách tăng mức hỗ trợ đối với người cao tuổi, tăng mức chi quà cho người có công, và các đối tượng bảo trợ xã hội.

Những lĩnh vực khác tiến độ giải ngân còn thấp do những nội dung, nhiệm vụ chi và các đề tài đề án đều đang trong giai đoạn tổ chức thực hiện (đề án thành phố thông minh, chính quyền điện tử; Chi sự nghiệp môi trường;

III. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng, cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh.

1. Nguồn dự phòng

a. Nguồn dự phòng: Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh là 357,3 tỷ đồng;

b. Kinh phí sử dụng đã có quyết định phân bổ đến hết 17.6.2019 là 9,4 tỷ đồng;

c. Nguồn còn lại: 347,9 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 04 đính kèm)

2. Nguồn cải cách tiền lương

a. Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh năm 2019 là 1.969 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí bố trí trong dự toán năm 2019 để hoàn trả nguồn CCTL đã ứng trả nợ vay KBNN năm 2018: 161 tỷ đồng;

- Chi tạo nguồn CCTL trong dự toán năm 2019: 1.808 tỷ đồng.

b. Tình hình sử dụng như sau:

- Bổ sung vốn đầu tư (tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 6/12/2018 của HĐND tỉnh số tiền 1.000 tỷ đồng);

- Tạm ứng cho các các doanh nghiệp bình ổn giá Tết 60 tỷ đồng. Khoản tạm ứng này sẽ thu hồi của các đơn vị để hoàn trả nguồn CCTL;

- Kinh phí Giải phóng mặt bằng dự án đường gom quốc lộ 18: 10 tỷ đồng

c. Nguồn còn lại 899 tỷ đồng

(Chi tiết theo Phụ lục số 05)

IV. Tình hình vay, tạm ứng từ ngân sách

1. Tổng dư nợ của NSĐP tính đến 01.01.2019 là 738,9 tỷ đồng (trái phiếu địa phương 500 tỷ, vay ngân hàng phát triển 56 tỷ đồng, vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước 182,9 tỷ đồng);

2. Kế hoạch trả nợ năm 2019 là 343,5 tỷ đồng, trong đó phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trả tháng 9/2019 là 300 tỷ đồng. Tính đến hết tháng 6/2019 đã trả hết 29,2 tỷ đồng (trả vay NHPT 26 tỷ đồng; vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước 3,2 tỷ đồng).

3. Dư nợ đến thời điểm 30/6/2019 là 709,7 tỷ đồng (trái phiếu địa phương 500 tỷ đồng, vay Ngân hàng Phát triển 30 tỷ đồng, vay lại từ nguồn chính phủ vay ngoài nước 179,7 tỷ đồng Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng)

V. Nhận xét về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm

1. Về thu NSNN trên địa bàn

a) Ưu điểm: Thu nội địa 12.139 tỷ đồng, đạt 57% dự toán và bằng 104% cùng kỳ, trong đó thu nội địa không kể đất 10.139 tỷ đồng, đạt 55% dự toán, các khu vực, sắc thuế có số thu lớn chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu NSNN trên địa bàn đều có tiến độ thu khá.

b. Hạn chế: Thuế bảo vệ môi trường đạt thấp, ước 6 tháng chỉ đạt 36% dự toán năm.

2. Về chi ngân sách địa phương

a. Ưu điểm: Ngân sách các cấp đã bảo đảm nguồn để đáp ứng nhu cầu kinh phí phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh trong dự toán;

b. Hạn chế, tồn tại

- Nhu cầu kinh phí hỗ trợ hạ tầng nông thôn lớn nhưng nguồn lực còn hạn chế. Một số công trình thiếu vốn để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành; nhu cầu vốn đối với các dự án khởi công mới nhiều nhưng mới đáp ứng kinh phí hỗ trợ các công trình thuộc tiêu chí thiếu của các xã chưa về đích nông thôn mới.

- Một số nhiệm vụ được bố trí kinh phí từ đầu năm, nhưng tiến độ chi đạt thấp, nguyên nhân do các nhiệm vụ, đề án chưa triển khai hoặc mới triển khai, chưa đến thời điểm giải ngân như đề án đề án trường học thông minh, thành phố thông minh, kinh phí thực hiện chương trình Bắc Ninh hành động vì môi trường sạch; hỗ trợ SXNN, chống xuống cấp di tích …

- Do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu phi (từ ngày 13/3/2019 đến hết 03/6/2019) đã làm 122.268 con lợn mắc bệnh, chết buộc phải tiêu hủy, tổng trọng lượng tiêu hủy 8.614.471 tấn, ước tính kinh phí hỗ trợ 360 tỷ đồng, trong khi dự phòng ngân sách cấp tỉnh chỉ có 347,9 tỷ đồng.

Phần thứ hai
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

A. NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM THEO DỰ TOÁN

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ dự toán năm 2019, tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu còn lại là 13.210 tỷ đồng. Dự báo khả năng tổng thu NSNN 2019 trên địa bàn sẽ hoàn thành và vượt dự toán. Tuy nhiên, thu nội địa không tiền sử dụng đất sẽ rất khó khăn do một số nguồn thu dự kiến giảm so dự toán như số thu của các Công ty thuộc tập đoàn Samsung, Công ty Sữa Vinanmil, Công ty xăn dầu Hải Ninh, thuế thu nhập cá nhân.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Nhiệm vụ chi còn lại 6 tháng cuối năm theo dự toán là 6.970 tỷ đồng. Với kết quả ước thực hiện thu ngân sách như trên, về cơ bản các nhiệm vụ chi trong dự toán đều được bảo đảm nguồn vốn để thực hiện.

B. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM

I. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

1. Quán triệt đầy đủ 4 nhiệm vụ trọng tâm và 26 nhóm giải pháp thực hiện công tác thuế năm 2019 của Tổng cục Thuế tại Hội nghị tổng kết Ngành thuế năm 2018 và triển khai các giải pháp thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2019;

2. Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành của Chính Phủ về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019; thực hiện Chỉ thị số 01/2019/CT-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;

3. Đẩy mạnh tiến trình thực hiện kế hoạch cải cách hệ thống thuế; tiếp tục rà soát, cải cách thủ tục hành chính thuế theo yêu cầu của Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019, định hướng đến năm 2021. Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, nhằm góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI).

4. Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo, đảm bảo cho công tác phân tích dự báo phải chủ động và tích cực hơn nữa; rà soát và đánh giá kịp thời những yếu tố tác động làm ảnh hưởng tăng, giảm đến nguồn thu trên địa bàn nhất là những năng lực sản xuất mới phát sinh, gắn với việc đánh giá tăng trưởng kinh tế, đảm bảo công tác phân tích, dự báo thực sự là căn cứ quan trọng để tham mưu cho lãnh đạo các cấp chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ thu NSNN.

5. Cục Thuế, Cục Hải quan tăng cường phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác quản lý thu NSNN, triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, chuyển giá, trốn thuế:

- Đẩy mạnh thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế theo phương pháp quản lý rủi ro, phấn đấu đảm bảo tiến độ thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch cả về số doanh nghiệp và số tiền được giao. Đồng thời tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên sâu theo từng ngành, từng lĩnh vực trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực còn thất thu.

- Tập trung công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đảm bảo đúng, đủ các biện pháp quản lý nợ theo quy trình quản lý nợ thuế, kiên quyết thu nợ để bù đắp một phần số thu giảm so với dự toán đầu năm.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế ở tất cả các khâu, các bộ phận, các lĩnh vực thông qua việc đổi mới phương thức, phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền;

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính Phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Thông tư 119/2018/TT-BTC ngày 05.12.2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019:

1. Chi đầu tư phát triển

- Các cấp, các ngành, các chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển, nhất là đối với các xã về đích nông thôn mới năm 2019; kinh phí GPMB từ nguồn tiết kiệm chi tại Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 08.3.2019 của UBND tỉnh;

- Đối với các dự án đã hoàn thành, chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt quyết toán dự án; Thực hiện thanh toán các khoản tạm ứng vốn xây dựng cơ bản.

2. Chi thường xuyên

- Các cấp, các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách bám sát dự toán; đẩy nhanh việc thực hiện các nhiệm vụ, đề án, nội dung đã được bố trí kinh phí trong dự toán đầu năm theo, thực hiện nghiêm túc việc điều hành nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2019 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính Phủ;

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính.

C. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Cơ quan Thuế trong công tác quản lý thuế như: khẩn trương tổ chức đấu giá các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt giá, chuyển thông tin nhà đất, thông tin các dự án đầu tư và tiến độ giải ngân... để thu tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, thuế GTGT từ hoạt động đầu tư XDCB, phí và lệ phí ... Đặc biệt đề nghị Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường chỉ đạo thực hiện Quy chế phối hợp giữa ngành Thuế và Công an trong công tác thu nợ, cưỡng chế nợ thuế; thanh tra, kiểm tra thuế; điều tra, khởi tố và xử lý vi phạm nghiêm, kịp thời đúng pháp luật.

2. Đề nghị các cơ quan chủ trì thực hiện đề án, nhiệm vụ; chủ đầu tư các dự án đã được bố trí kinh phí trong dự toán đầu năm đẩy nhanh tiến độ triển khai để thực hiện giải ngân. Đối với các dự án, công trình đã được đã được bố trí vốn nhưng chưa có khối lượng hoàn thành, không có khả năng giải ngân trong năm 2019 thì đề xuất điều chỉnh sang các công trình, dự án khác trước ngày 30/9/2019, trong đó ưu tiên công trình đã có khả năng hoàn thành trong năm

2019 thuộc ngành quản lý. Đối với số vốn năm 2018 chuyển nguồn sang năm 2019 và vốn bố trí trong dự toán năm 2019 nhưng không có khả năng giải ngân, không có phương án điều chuyển thì báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/9/2019 để thu hồi về ngân sách tỉnh xử lý theo quy định.

3. Đề nghị UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình HĐND tỉnh xử lý một số nội dung theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước:

3.1. Về nguồn vốn xây dựng mới các bể bơi tại các trường phổ thông công lập: Đề nghị cho phép sử dụng nguồn chi sự nghiệp giáo dục đào tạo để xây dựng mới các bể bơi tại các trường học đã được HĐND tỉnh thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 về việc thông qua chủ trương thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị phòng thư viện điện tử, phòng học thông minh trang bị cho các trường trung học cơ sở và xây dựng bể bơi tại các trường phổ thông công lập, giai đoạn 2019-2020;

3.2. Về hỗ trợ phí sử dụng hạ tầng đối với Công ty TNHH Samsung Display và Công ty TNHH Samsung Electronics:

- Theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Công văn số 818/VPCP-QHQT ngày 04/02/2008 của Văn phòng Chính phủ, các dự án của Tập đoàn Samsung tại Bắc Ninh được hưởng chính sách miễn tiền thuê đất và hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

- HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết 107/2008/NQ-HĐND16 ngày 11/4/2008, Nghị quyết 97/2013/NQ-HĐND16 ngày 12/7/2013, Nghị quyết 140/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 về việc hỗ trợ ngân sách xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Yên phong I nhằm hỗ trợ kinh phí thuê hạ tầng đối với các dự án của Công ty TNHH Samsung Electronics và Công ty TNHH Samsung Display tại Bắc Ninh. Trong đó quy định hỗ trợ 50% phí sử dụng hạ tầng thông qua Công ty đầu tư hạ tầng Viglacera, đến nay tổng kinh phí đã hỗ trợ là 450.104 triệu đồng;

Do Công ty TNHH Samsung Electronics và Công ty TNHH Samsung Display tại Bắc Ninh không trực tiếp thuê đất mà phải thuê lại đất trong Khu Công nghiệp Yên phong I do Công ty đầu tư hạ tầng Viglacera đã đầu tư hạ tầng, đề nghị UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh thông qua việc hỗ trợ tiền thuê đất và hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đối với các dự án của tập đoàn Samsung tại Bắc Ninh bằng hình thức hỗ trợ kinh phí thuê hạ tầng thông qua Công ty đầu tư hạ tầng Viglacera.

4. Hỗ trợ tỉnh Hủa Phăn nước CHDCND Lào

Đề nghị UBND tỉnh xin ý kiến Bộ Tài chính, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về việc bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) để hỗ trợ tỉnh Hủa Phăn nước CHDCND Lào đầu tư xây dựng một số công trình cơ sở hạ tầng;

5. Đề nghị UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy hỗ trợ chủ vật nuôi có lợn mắc bệnh, lợn nghi mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn Châu phi buộc phải tiêu hủy bằng nguồn dự phòng ngân sách và hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xử lý môi trường tránh lây lan dịch bệnh bằng nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

6. Trong dự toán chi đầu tư năm 2019 từ nguồn CCTL đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 6/12/2018 có bố trí 200 tỷ đồng để hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã, đã hỗ trợ xã An Thịnh huyện Lương tài (xã xây dựng bãi rác thải tập trung) 20 tỷ đồng, còn lại 180 tỷ đồng đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố thị xã trả nợ quyết toán, hỗ trợ thanh toán và khởi công mới một số dự án theo đề xuất của UBND các huyện, thành phố, thị xã (dự kiến phương án phân bổ kèm theo phụ lục số 06).

Sở Tài chính trân trọng báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Lưu VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH BẮC NINH

Ngô Tân Phượng

Phụ lục số 01-59CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN 30/6/2019

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	30/06/2019	UTH 2019
A	B	1	2	3
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**27.397.000**	**15.187.975**	**28.398.491**
1	Thu nội địa	21.147.000	12.138.991	22.148.491
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	6.250.000	3.048.984	6.250.000
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**17.720.186**	**10.451.103**	**24.960.439**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**17.486.573**	**10.217.490**	**18.663.400**
-	Thu NSĐP được hưởng 100%	3.553.000	2.442.673	4.833.691
-	Thu NSĐP được hưởng từ các khoản phân chia	13.933.573	7.774.817	13.829.709
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**233.613**	**233.613**	**233.613**
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**			
IV	**Thu kết dư**			
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			**6.063.426**
C	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**17.720.186**	**10.749.525**	**24.960.439**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách địa phương**	**17.486.573**	**10.589.691**	**24.726.826**
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.609.869	4.701.000	7.694.869
2	Chi thường xuyên	9.356.255	3.845.702	9.885.242
3	Chi trả nợ lãi, phí	41.800	2.500	41.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		1.000
5	Dự phòng ngân sách	437.160		0
6	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	2.040.489	2.040.489	1.040.489
7	Chi từ nguồn chuyển nguồn			6.063.426
8	Các khoản chi còn lại			
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu**	**233.613**	**159.834**	**233.613**
III	**Chi nộp ngân sách cấp trên**			
D	**BỘI CHI/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
I	**Bội thu ngân sách**			
1	Trả vay KBNN			
2	Trái phiếu CQĐP			
3	Trả vay Ngân hàng phát triển			
4	Vay lại từ nguồn CP vay nước ngoài			
II	**Bội chi ngân sách**			
III	**Vay để trả nợ gốc**	**355.000**		**355.000**

Phụ lục số 02-602/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN ĐẾN 30/6/2019

Đơn vị: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Năm 2019			So sánh 6 tháng (%)		So sánh cả năm (%)	
		Dự toán HĐND thông qua	30/06/2019	UTH cả năm	DT năm	Cùng kỳ	DT năm	Cùng kỳ
A	B	3	4	5	6=4/3	7=4/1	8=5/3	9=5/2
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)	**27.397.000**	**15.187.975**	**28.398.491**	**55%**	**105%**	**104%**	**101%**
I	**THU NỘI ĐỊA**	**21.147.000**	**12.138.991**	**22.148.491**	**57%**	**104%**	**105%**	**101%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	1.400.000	650.000	1.400.000	46%	106%	100%	114%
	- Thuế giá trị gia tăng	540.000	174.277	419.500	32%		78%	99%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	389.500	289.153	578.000	74%		148%	175%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	470.000	186.286	402.000	40%		86%	86%
	- Thuế tài nguyên	500	284	500	57%		100%	87%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	55.000	47.000	70.000	85%	139%	127%	124%
	- Thuế giá trị gia tăng	37.700	33.647	48.895	89%		130%	117%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.100	13.298	19.805	88%		131%	140%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.200		1.200	0%		100%	
	- Thuế tài nguyên	1.000	55	100	6%		10%	60%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	8.800.000	4.900.000	8.983.000	56%	113%	102%	111%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.400.000	568.289	1.400.000	41%		100%	114%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.391.000	4.328.224	7.574.000	59%		102%	111%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.500	2.857	6.500	44%		100%	91%
	- Thuế tài nguyên	2.500	630	2.500	25%		100%	111%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.600.000	1.500.000	2.700.000	58%	125%	104%	120%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.739.790	727.347	1.309.225	42%		75%	91%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	712.800	725.643	1.306.250	102%		183%	182%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	143.610	45.226	80.725	31%		56%	86%
	- Thuế tài nguyên	3.800	1.784	3.800	47%		100%	72%
5	Lệ phí trước bạ	570.000	280.000	570.000	49%	114%	100%	111%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	22.000	40.000	55%	111%	100%	107%
8	Thuế thu nhập cá nhân	3.320.000	2.000.000	3.200.000	60%	103%	96%	109%
9	Thuế bảo vệ môi trường	1.148.000	410.000	850.000	36%	100%	74%	107%
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu	*720.900*	*257.480*	*533.800*	36%	#DIV/0!	74%	#DIV/0!
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	*427.100*	*152.520*	*316.200*	36%	#DIV/0!	74%	#DIV/0!
10	Phí, lệ phí	110.000	61.000	110.000	55%	103%	100%	110%
11	Tiền sử dụng đất	2.700.000	2.000.000	3.700.000	74%	85%	137%	73%
-	*Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý*							
-	*- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý*	*2.700.000*	*2.000.000*	*3.700.000*	74%	85%	137%	
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	100.000	66.000	160.000	66%	59%	160%	46%
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
14	Thu khác ngân sách	260.000	175.000	300.000	67%	66%	115%	65%
15	Trong đó thu khác cơ quan trung ương	88.700	75.000	88.700	85%		100%	
16	- Trong đó: Phạt ATGT	37.700						
	- Phạt VPHC do cơ quan thuế xử lý	51.000						

TT	NỘI DUNG	Năm 2019			So sánh 6 tháng (%)		So sánh cả năm (%)	
		Dự toán HĐND thông qua	30/06/2019	UTH cả năm	DT năm	Cùng kỳ	DT năm	Cùng kỳ
	- Thu khác	*171.300*	*100.000*	*211.300*	58%		123%	
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		491	491		126%		30%
18	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	30.000	20.000	50.000	67%	76%	167%	84%
19	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)							
20	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)	14.000	7.500	15.000	54%	108%	107%	116%
II	**THU TỪ DẦU THÔ**							
III	**THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU**	**6.250.000**	**3.048.984**	**6.250.000**	**48,8%**	**107%**	**100%**	**102%**
1	Thuế xuất khẩu	38.000						
2	Thuế nhập khẩu	1.100.000						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt							
4	Thuế bảo vệ môi trường	2.000						
5	Thuế giá trị gia tăng	5.087.000						
6	Khác	23.000						

Phụ lục số 03 - 61/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI ĐẾN 30/6/2019

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2019			So sánh 6 tháng (%)		So sánh cả năm (%)	
		Dự toán	30/06/2019	UTH cả năm	DT năm	Cùng kỳ	DT năm	Cùng kỳ
1	2	5	6	7	8=6/5	9=6/3	10=7/5	11=7/4
A	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I+II+III)**	**17.720.186**	**10.749.525**	**24.960.439**	**61%**	**137%**	**141%**	**109%**
I	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**17.486.573**	**10.589.691**	**18.663.400**	**61%**	**138%**	**107%**	**111%**
1	**Chi đầu tư phát triển**	**5.609.869**	**4.701.000**	**7.694.869**	**84%**	**135%**	**137%**	**83%**
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	2.800.000						
b	Dự kiến chi từ nguồn CCTL							
c	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.700.000						
d	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	14.000						
e	Dự kiến chi đầu tư từ nguồn vốn vay							
f	Chi đầu tư từ nguồn bội thu ngân sách huyện, xã	95.869						
2	**Chi thường xuyên**	**9.356.255**	**3.845.702**	**9.885.242**	**41%**	**105%**	**106%**	**131%**
a	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	3.304.307	1.430.000	3.404.340	43%	108%	103%	118%
b	*Chi khoa học và công nghệ*	52.495	21.699	52.495	41%	119%	100%	147%
c	*Chi quốc phòng*	168.101	90.000	173.985	54%	100%	104%	88%
d	*Chi an ninh*	173.257	61.003	179.321	35%	111%	104%	125%
đ	*Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình*	601.945	270.000	630.013	45%	108%	105%	116%
e	*Chi sự nghiệp văn hóa thông tin*	242.986	95.000	251.491	39%	103%	104%	134%
g	*Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình*	114.799	25.000	118.817	22%	108%	104%	184%
h	*Chi sự nghiệp thể dục thể thao*	80.977	25.000	83.811	31%	73%	104%	110%
i	*Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường*	628.138	180.000	628.138	29%	93%	100%	211%
k	*Chi hoạt động kinh tế*	2.032.861	620.000	2.248.382	30%	86%	111%	195%
l	*Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể*	1.015.669	550.000	1.045.669	54%	109%	103%	90%
m	*Chi bảo đảm xã hội*	401.742	286.000	529.803	71%	156%	132%	114%
n	*Chi khác*	538.978	192.000	538.978	36%	109%	100%	156%
3	**Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay**	**41.800**	**2.500**	**41.800**	**6%**	**100%**	**100%**	**84%**

STT	Nội dung	Năm 2019			So sánh 6 tháng (%)		So sánh cả năm (%)	
		Dự toán	30/06/2019	UTH cả năm	DT năm	Cùng kỳ	DT năm	Cùng kỳ
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		1.000			100%	100%
5	Dự phòng ngân sách	437.160					0%	
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	2.040.489	2.040.489	1.040.489	100%	408%	51%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	233.613	159.834	233.613	68%	80%	100%	
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	130.270		130.270				
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	103.343		103.343				
III	Chi CN / Chi từ nguồn chuyển nguồn			6.063.426				
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
	VAY ĐỂ TRẢ NỢ GỐC	355.000	29.262	355.000				
	BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							

Phụ lục số 04

TỔNG HỢP PHÂN BỔ NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH NĂM 2019

Đơn vị: tr.đồng

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ
A	**Nguồn**	**357.372**
B	**Sử dụng**	**2.550**
1	Sở NNPTNT - KP phòng chống dịch lở mồm long móng	0
2	Sở NNPTNT - KP phòng chống dịch tả lợn Châu phi	2.550
C	**Còn lại**	**354.822**

Phụ lục số 05

TỔNG HỢP NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2019

Đơn vị: đồng

TT	NỘI DUNG	Quyết định		Cấp tỉnh
		Số	Ngày	
A	**Nguồn Ngân sách cấp tỉnh dành làm lương năm 2019**			**1.969.513.000.000**
1	Hoàn trả nguồn CCTL đã ứng năm 2018			161.000.000.000
2	Chi tạo nguồn CCTL 2019			1.808.513.000.000
B	**Sử dụng**			**1.070.263.056.000**
I	**Bổ sung vốn xâu dựng cơ bản**			**1.010.185.056.000**
1	Bổ sung vốn xây dựng cơ bản theo Nghị quyết 144/NQ-HĐND ngày 6/12/2018	144	06/12/2018	1.000.000.000.000
2	Nghỉ hưu theo NĐ 108	113	31/01/2019	62.056.000
3	GPMB dự án đường gom quốc lộ 18	205	03/05/2019	10.123.000.000
II	**Kinh phí đã tạm ứng từ nguồn CCTL**			**60.078.000.000**
1	**Tạm ứng phải thu hồi hoàn trả ngân sách tỉnh**			**60.078.000.000**
-	Tạm ứng kinh phí bình ổn giá	2281	14/12/2018	60.078.000.000
C	**Nguồn Cải cách tiền lương thực tồn quỹ**			**899.249.944.000**

Phụ lục 06

PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Dự án	Văn bản đề nghị	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Dự kiến hỗ trợ	Ghi chú
	Tổng			**215.736**	**146.653**	0
A	**Các dự án hạ tầng nông thôn đã được phê duyệt quyết toán đến ngày 30/5/2019 (theo báo cáo rà soát của các huyện, thành phố, thị xã**				**81.145**	
B	**Nhu cầu hỗ trợ kinh phí theo Công văn đề nghị của các huyện, thành phố, thị xã**			**215.736**	**65.508**	0
I	**Khởi công mới các dự án hạ tầng nông thôn (phân bổ khoản 35% tổng mức đầu tư để đảm bảo tỷ lệ vốn khởi công)**			**112.272**	**40.500**	0
1	**Huyện Lương Tài**			**86.250**	**30.100**	0
	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã Phú Hòa (Đoạn từ ĐH đi Phú Dưới, đi DDT285, đi Bà Khê, Ngọc Thượng đi ĐT 281	39//TTr-UBND ngày 24/5/2019	1670-30/10/2018	14.853	5.000	KCM
	Đường trục xã Trừng Xá (đoạn từ các thôn đi trung tâm xã) - Hạng mục nền, mặt đường, tường kè, cống ngang đường	25/TTr-UBND ngày 9/4/2018	1713E-31/10/2017	14.754	5.100	KCM
	Đường giao thông trục xã Quảng Phú, huyện Lương Tài (đoạn Kênh G28 đi trạm y tế và thôn Phú Thọ, Lĩnh Mai đi trung tâm xã)	25/TTr-UBND ngày 9/4/2018	1714E-31/10/2017	11.953	4.200	KCM
	Mở rộng, nâng cấp đường trục xã Trung Chính (đoạn từ các thôn đi trung tâm xã)	25/TTr-UBND ngày 9/4/2018	1716E-31/10/2017	7.589	2.700	KCM
	Nhà văn hóa thôn Trình Khê, xã Trung Chính. Hạng mục nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ khác	41/TTr-UBND ngày 27/5/2019	61A-28/10/2018	4.475	1.600	KCM
	Đường trục xã Trung Chính (đoạn từ TL 284 cạnh nghĩa trang liệt sỹ xã Trung Chính đi Đan Quế - Thanh Dương	41/TTr-UBND ngày 27/5/2019	1472-8/10/2018	3.900	1.400	KCM
	Đường trục xã Mỹ Hương (đoạn từ trung tâm xã đi An Mỹ, đi My Xuyên)	57/TTr-UBND ngày 11/6/2019	1669-30/10/2018	8.900	3.100	KCM
	Đường trục xã Trung Kênh (đoạn từ thôn Cáp Trên đi thôn Tảo Hòa đến TL 281)		1687-30/10/2018	10.352	3.700	KCM
	Mở rộng đường trục xã Minh Tân (đoạn từ đê hữu Sông Thái Bình đi Đăng Triều, xã Trừng Xá)	57/TTr-UBND ngày 11/6/2019	1738-30/10/2018	9.474	3.300	KCM
2	**Huyện Quế Võ**			**11.413**	**5.300**	
	Nhà văn hóa thôn Đồng Chuế. Hạng mục nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ	660/CV-UBND ngày 11/6/2019	1547-23/10/2018	7.102	2.500	KCM
	Nhà văn hóa thôn Trại Đường	660/CV-UBND ngày 11/6/2019	156-29/10/2018	4.311	1.500	KCM

TT	Dự án	Văn bản đề nghị	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Dự kiến hỗ trợ	Ghi chú
	Đường trục xã Mộ Đạo (đoạn qua thôn Trúc Ô), hạng mục nền, mặt đường, tường kè, thoát nước		145-20/9/2017	3.724	1.300	KCM
3	**Huyện Gia Bình**			**14.609**	**5.100**	
	Đường giao thông nội đồng thôn Hương Vinh và thôn Đông Bình, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình		1496-31/10/2018	14.609	5.100	
II	**Thanh toán nợ đọng các dự án hạ tầng nông thôn (phần ngân sách tỉnh hỗ trợ theo quy định) có văn bản giao của UBND tỉnh xem xét**			**21.118**	**6.100**	
1	**Huyện Lương Tài**			**21.118**	**6.100**	
	Đường trục xã Phú Hòa (Đoạn từ thôn Bà Khê đến thôn Tỳ Điện; từ trường THCS qua TL 281 đến thôn Hương Chi, thôn Phương Thanh; từ thôn Tĩnh Xá đến cầu Lương Tre; từ thôn Phương Xá đến cầu Lương Tre)	47/TTr-UBND ngày 31/5/2019	1723B-31/10/2017	14.810	4.800	Nợ đọng
	Trụ sở UBND xã Phú Hòa, hạng mục nhà hội trường xã	47/TTr-UBND ngày 31/5/2019	1724B-31/10/2017	6.308	1.300	Nợ đọng
III	**Hỗ trợ các dự án hạ tầng nông thôn (phần kinh phí ngân sách huyện xã phải đối ứng) do các địa phương không đảm bảo được nguồn**			**54.343**	**9.352**	**0**
1	**Huyện Tiên Du**				**3.000**	
	GPMB để đầu tư xây dựng công trình khu văn hóa, thể dục thể thao và công viên cây xanh thôn Chi Hồ, xã Tân Chi, huyện Tiên Du	535/UBND-TCKH ngày 31/5/2019			3.000	GPMB
2	**Huyện Gia Bình**			**54.343**	**6.352**	
	Đường GT liên thôn xã Bình Dương (đoạn từ thôn Gia Phú đi thôn Đìa và thôn Cẩm Xá)	247/CV-UBND ngày 23/4/2019	1195-31/12/2013	4.256	851	Đã QT
	Đường GTNT thôn Bùng - xã Bình Dương (gói thầu số 2)	247/CV-UBND ngày 23/4/2019	756-11/9/2013	9.294	258	Đã QT
	Đường GTNT thôn Đìa - xã Bình Dương (các tuyến phía Bắc TL 282)	247/CV-UBND ngày 23/4/2019	257-8/4/2015	9.805	1.961	Đã QT
	Đường GTNT thôn Đìa - xã Bình Dương (các tuyến phía Nam TL 282)	247/CV-UBND ngày 23/4/2019	1694-31/12/2015	6.975	1.395	Đã QT
	Đường liên thôn xã Bình Dương (đoạn từ Chùa Gia Phú đi thôn Phương Độ)	247/CV-UBND ngày 23/4/2019	05-11/2/2016	12.788	1.112	Đã QT
	Nhà sinh hoạt thôn Bùng - xã Bình Dương	247/CV-UBND ngày 23/4/2019	615-22/7/2014	4.494	359	Đã QT

TT	Dự án	Văn bản đề nghị	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Dự kiến hỗ trợ	Ghi chú
	Nhà sinh hoạt thôn Đìa - xã Bình Dương	247/CV-UBND ngày 23/4/2019		3.616	368	Đã QT
	Nhà sinh hoạt thôn Gia Phú- xã Bình Dương	247/CV-UBND ngày 23/4/2019	181-5/3/2018	3.115	48	Đã QT
IV	**Hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã thực hiện các dự án huyện quản lý**			**28.003**	**9.556**	
1	**Huyện Lương Tài**			**4.985**	**1.500**	
-	Cống dọc sông Đồng Khởi (Tại vị trí Trạm bơm Văn Dương, nối tuyến đường trục xã Bà Khê đi Văn Ngoài)	39//TTr-UBND ngày 24/5/2019	124-30/10/2018	4.985	1.500	KCM
3	**Huyện Quế Võ**			**23.018**	**8.056**	
	Đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL 18 đi xã Việt Hùng - Quế Tân - Phù Lương (gđ 3)	583/CV-UBND ngày 28/5/2019	1576-29/10/2019	9.596	3.359	KCM
	Cải tạo đường trục huyện Quế Võ (đoạn từ QL 18 đi thôn Nho Gia Phương Liễu)	583/CV-UBND ngày 28/5/2019	2577-29/10/2018	13.422	4.698	KCM